

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ THƯ VŨ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 202 /KH-UBND

Thư Vũ, ngày 07 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động số 20-CTr/ĐU ngày 18/9/2026 của Đảng ủy xã Thư Vũ thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp, đô thị và an sinh xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 12-NQ/TU thành các nhiệm vụ, chương trình, lộ trình triển khai và trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị tại địa phương.

- Phát triển lực lượng lao động là khâu đột phá chiến lược thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số; lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của phát triển.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong đổi mới tổ chức quản lý lực lượng lao động, kết hợp giữa phát triển số lượng và nâng cao chất lượng lao động, thường xuyên đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho người lao động phù hợp với xu hướng phát triển công nghiệp hóa và nhu cầu sử dụng lao động.

- Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương trong giai đoạn hiện nay, nhất là số lượng lao động đông. Gắn phát triển lực lượng lao động với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy chuyển đổi số là phương thức then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động; thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; lấy người lao động làm trung tâm, xây dựng lực lượng lao động đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, thích ứng với xu hướng biến động của thị trường lao động,

bảo đảm cơ cấu ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tầm nhìn đến năm 2045, phần đầu có nhân lực chất lượng cao, đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung đến năm 2030, phát triển lực lượng lao động của địa phương có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao; hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu đến năm 2030 hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 12-NQ/TU; trong đó tập trung vào các nhóm chỉ tiêu sau:

- Hằng năm đào tạo mới, phát triển từ 450 đến 500 lao động.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40,5% (trong đó: Tỷ lệ lao động có trình độ đại học, cao đẳng trở lên đạt trên 30%; tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ đạt ít nhất 35%).
- Phần đầu 100% lao động có kỹ năng số cơ bản; trong đó, 20% có kỹ năng số nâng cao. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm trên 10%.
- Bình quân hằng năm, phần đầu thu hút thêm từ 100 - 200 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài hết hạn hợp đồng về nước.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động giảm còn dưới 15%.
- 100% người lao động được khám sức khỏe định kỳ hằng năm; trên 70% người lao động làm việc trong điều kiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; tối thiểu 60% người lao động được tiếp cận các hoạt động chăm sóc sức khỏe, cải thiện dinh dưỡng, rèn luyện thể lực và tuyên truyền nâng cao thể trạng tại doanh nghiệp.

3. Mốc triển khai theo giai đoạn

*** Năm 2026:**

Hoàn thành, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, rà soát lại lực lượng lao động trên địa bàn; kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về nhân lực lao động.

*** Giai đoạn 2027 - 2028:**

- Nâng cao năng lực của cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm. Tăng cường liên kết tập huấn, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động; Làm tốt công tác dự báo cung, cầu lao động, kỹ năng xây dựng chính sách phát triển nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm đồng bộ, kết nối liên thông với cơ sở

dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý, dự báo và xây dựng chính sách, điều hành thị trường lao động.

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ để tuyển dụng lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp.

*** Giai đoạn 2029 - 2030:**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, người sử dụng lao động; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thúc đẩy xây dựng môi trường lao động lành mạnh, quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, tư nhân đầu tư trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, dịch vụ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số.

- Hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của Nghị quyết;

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ lao động tại địa phương giai đoạn 2026 – 2030 tham gia học nghề nhằm khuyến khích đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ; chuẩn bị điều kiện cho giai đoạn sau 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực.

1.1. Công tác tuyên truyền

- Tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, đảng viên, và nhân dân; đổi mới hình thức tuyên truyền theo hướng dễ hiểu, thiết thực, gắn với quyền lợi của người lao động, xác định phát triển nguồn nhân lực là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò quyết định của nhân lực đối với phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và chuyển đổi số hiện nay.

1.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, thu hút nhân tài phù hợp với tình hình mới, đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành và Quy hoạch chung của tỉnh. Chú trọng xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo lao động; hỗ trợ người lao động học nghề, tìm kiếm việc làm.

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời hạn, rõ cơ chế phối hợp và bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

1.3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý, dự báo và xây dựng chính sách, điều hành thị trường lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật lao động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2. Phát triển thị trường lao động

2.1. Hoàn thiện hệ thống thông tin và dự báo thị trường lao động

- Đẩy nhanh tiến độ dự báo thông tin thị trường lao động; phối hợp thực hiện phát triển cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm; quản lý lao động có sự liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu khác.

- Hoàn thiện cơ chế, thúc đẩy nhanh tiến độ Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã hoạt động thành trung tâm điều phối thị trường lao động tại địa phương. Xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu thị trường lao động đa nguồn (từ điều tra hộ gia đình, báo cáo doanh nghiệp, dữ liệu bảo hiểm xã hội, cổng thông tin tuyển dụng,...) để phục vụ dự báo cung - cầu lao động hàng năm.

- Thường xuyên thông tin lao động, việc làm đến người lao động, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp qua hệ thống đài truyền thanh và các ứng dụng trực tuyến, mạng xã hội, ứng dụng di động...

2.2. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu lao động

- Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động, đảm bảo số lượng và chất lượng tư vấn, tuyển dụng lao động.

- Hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong quá trình tuyển dụng, tìm kiếm việc làm, các dịch vụ tư vấn tuyển dụng cho doanh nghiệp cho lao động thất nghiệp.

2.3. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp

- Khuyến khích doanh nghiệp thiết lập kênh đối thoại giữa ban giám đốc với tổ chức công đoàn ít nhất mỗi quý một lần để thông tin, trao đổi về tình hình sản xuất kinh doanh, việc làm, thu nhập, nguyện vọng của người lao động.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng hòa giải lao động để giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động phát sinh, hạn chế tối đa các vụ đình công, lãn công tự phát. Xây dựng môi trường lao động ổn định, các bên cùng có lợi, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Xây dựng các chính sách thu hút người lao động

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng thang, bảng lương cạnh tranh theo cơ chế thị trường, có chế độ thưởng, phúc lợi hấp dẫn đặc biệt đối với lao động có nhiều sáng kiến, đóng góp.

- Phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện ban hành chính sách ưu tiên, ưu đãi hỗ trợ người lao động về tín dụng và thủ tục hành chính để khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng khu nhà ở cho người lao động.

- Xây dựng cơ chế ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội phục vụ người lao động tại các khu dân cư tập trung đông người lao động, khu nhà ở xã hội để người lao động được thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa.

- Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các thông lệ quản trị nhân sự tiên tiến, tạo cơ hội thăng tiến công bằng dựa trên năng lực và hiệu quả công việc. Các doanh nghiệp có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút và giữ chân lao động đồng thời, tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, an sinh xã hội hạn chế tình trạng dịch chuyển lao động sang các địa phương.

4. Nâng cao thể chất người lao động

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành hữu quan với các doanh nghiệp thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định; theo dõi kết quả khám sức khỏe nhằm kịp thời phát hiện, phân loại tình trạng sức khỏe, có biện pháp chăm sóc và bố trí công việc phù hợp đối với người lao động có thể lực yếu, sức khỏe không bảo đảm.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, phòng ngừa, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến thể lực và sức khỏe nghề nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành định kỳ vệ sinh an toàn thực phẩm tại các doanh nghiệp; vận động, khuyến khích doanh nghiệp quan tâm nâng cao chất lượng bữa ăn ca, cải thiện chế độ dinh dưỡng cho người lao động; phối hợp tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp, tư vấn dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe và sức bền của người lao động.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp và ý thức giữ gìn sức khỏe trong lao động, đặc biệt đối với lao động trẻ

và lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp, nông thôn sang khu vực công nghiệp, dịch vụ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước: Thực hiện theo kế hoạch phân bổ ngân sách hằng năm dành cho các nhiệm vụ phát triển lực lượng lao động. Đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ học nghề và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người quản lý.

- Nguồn lực từ doanh nghiệp: Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển lực lượng lao động và chuyển đổi số.

- Các nguồn lực khác: Chủ động tranh thủ các nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cho lĩnh vực phát triển nhân lực, ngoài ra, vận động sự đóng góp từ các cộng đồng xã.

VI. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn Hóa – Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch; triển khai thực hiện hiệu quả; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện.

- Phối hợp cùng các tổ chức, các thôn, các doanh nghiệp thường xuyên rà soát nguồn nhân lực lao động, tham mưu xây dựng cơ chế, chế độ chính sách thu hút và sử dụng lực lượng lao động tại địa phương

- Phối hợp triển khai chuyển đổi số kết nối dữ liệu, ứng dụng khoa học, công nghệ; kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý, dự báo và xây dựng chính sách, điều hành thị trường lao động

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí; phối hợp tham mưu cơ chế huy động nguồn lực hợp pháp khác.

3. Các Phòng ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội triển khai các nội dung về môi trường, an toàn lao động, giao thông, an sinh xã hội, nhà ở công nhân, đầu tư, đất đai, xây dựng và xã hội hóa lĩnh vực lao động.

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các ban ngành, đơn vị, các tổ chức có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng lộ trình thực hiện kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã.

Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; tham mưu sơ kết vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030; đề xuất khen thưởng, xử lý trách nhiệm và điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch tổ chức thực hiện. / *Thư*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Thư